TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 10-8-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Nguyễn Đăng Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 172/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2022/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp BIBV, số 35 H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Nông.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Kim A – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Thị N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Thị N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2022 là 686.394.864 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi là 136.394.864 đồng theo hai hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10573709/HĐTD ngày 20/11/2018 vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng, mục đích vay là để chăm sóc cà phê, điều, sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Chị N đã trả được 330.000.000 đồng tiền gốc và 99.232.887 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 10/8/2022 chị N còn nợ số tiền gốc là 170.000.000đ, tiền lãi là 45.090754 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10459513/HĐTD ngày 30/7/2020 vay số tiền gốc là 380.000.000đ, mục đích vay để chăm sóc cà phê, làm sân phơi, đường đi vào rẫy, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Tính đến ngày 10/8/2022 số tiền lãi chị N còn nợ là 91.304110 đồng.

Khi vay chị N có thế chấp cho Ngân hàng 04 giấy Chứng nhận QSD đất số AL 809088, số BO 820451, số BO 820449 và số BO 820450 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017.

Các khoản vay của chị Thị N theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá thời hạn trả nợ nhưng chị Thị N vẫn không trả dù Ngân hàng có yêu cầu khách hàng vay trả nợ rất nhiều lần và chị Ngoan không đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ theo quy định.

Do vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 686.394.864 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 136.394.864 và tiếp tục trả toàn bộ tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi trả nợ xong.

Trong trường hợp chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017.

Về tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ tổng số tiền gốc 550.000.000đ theo 02 hợp đồng tín dụng như Ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên, đến thời điểm trả nợ do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi được. Nay, Ngân hàng yêu cầu trả số tiền

gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết. Chị đồng ý trả số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng nhưng cho được trả dần mỗi năm trả một ít và trả trong nhiều năm đến khi trả xong nợ. Khi vay số tiền trên có thế chấp cho Ngân hàng 04 quyền sử dụng đất gồm các Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809088, số BO 820451, số BO 820449 và số BO 820450 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho bị đơn trả dần số tiền gốc và lãi trong nhiều năm mà phải trả một lần cả tiền gốc và tiền lãi.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117; Điều 119; Điều 299; Điều 301; Điều 323; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đ. Buộc chị Thị N phải trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đ tổng số tiền là 686.394.864 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 136.394.864 và tiếp tục phải chịu lãi suất tính theo theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10573709/HĐTD ngày 20/11/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10459513/HĐTD ngày 30/7/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp chị Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Thị N. Chị Thị N có nơi cư trú tại bon B, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Thị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về số tiền gốc và tiền lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 20/11/2018, chị N có vay tại Ngân hàng số tiền gốc là 500.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10573709/HĐTD ngày 20/11/2018, mục đích vay là để chăm sóc cà phê, điều, sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Chị N đã trả được 330.000.000 đồng tiền gốc và 99.232.887 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 10/8/2022 chị N còn nợ số tiền gốc là 170.000.000đ, tiền lãi là 45.090754 đồng. Ngoài ra, ngày 30/7/2020 chị N tiếp tục vay tại Ngân hàng số tiền gốc 380.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10459513/HĐTD ngày 30/7/2020, mục đích vay để chăm sóc cà phê, làm sân phơi, đường đi vào rẫy, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Tính đến ngày 10/8/2022 số tiền gốc chị N còn nợ là 380.000.000 đồng và tiền lãi là 91.304110 đồng.

Các khoản vay theo hai hợp đồng tín dụng trên đã quá thời hạn trả nợ tiền gốc, lãi nhưng chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Bị đơn thừa nhận có vay tại Ngân hàng tổng số tiền trên hiện đã quá thời hạn trả nợ, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được và xin trả dần trong nhiều năm nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy các đương sự đã thống nhất được số tiền vay nhưng không thống nhất được thời điểm và phương thức trả nợ nên cần buộc bị đơn trả tổng số tiền là 686.394.864 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi là 136.394.864 đồng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 686.394.864 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 136.394.864 đồng và tiếp tục phải chịu lãi suất tính theo theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10573709/HĐTD ngày 20/11/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10459513/HĐTD ngày 30/7/2020 cho đến khi trả nợ xong là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số

01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017 chị N có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm: Các quyền sử dụng đất theo các Giấy Chứng nhận QSD đất số AL 809088, số BO 820451, số BO 820449 và số BO 820450 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp trên hiện chị N đang quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với ai. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản các bên có thỏa thuận trong trường hợp không trả các khoản nợ đã vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trên để thu hồi nợ. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017 để thu hồi nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị đơn chị N phải chịu 5.000.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên cần buộc bị đơn chị Thị N phải trả lại cho Ngân hàng là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên bị đơn chị Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 301, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ đối với chị Thị Ngoan.

1.1. Buộc chị Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ số tiền là 686.394.864 đồng *(Sáu trăm tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tú nghìn tám trăm sáu mươi tư đồng)*. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm*

mươi triệu đồng), tiền lãi là 136.394.864 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tư nghìn tám trăm sáu mươi tư đồng)* tính đến ngày 10/8/2022.

1.2. Kể từ ngày 11/8/2022, chị N tiếp tục phải chịu lãi suất tính theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10573709/HĐTD ngày 20/11/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2020/10459513/HĐTD ngày 30/7/2020 cho đến khi trả nợ xong.

1.3. Trong trường hợp chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10459513/HĐTC ngày 13/11/2017 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Chị Thị N phải nộp 31.456.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do chị Thị N thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên cho chị Thị N theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 14.104.000 đồng *(Mười bốn triện một trăm lẻ bốn nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002121 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nông Văn Nhu